

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 39
8. Phụ lục	40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 660.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 20 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là ANV.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại : (84-76) 3834060
Fax : (84-76) 3834054
E-mail : namvietagg@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 1600168736

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản - chi nhánh Công ty cổ phần Nam Việt	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện.



Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức năm 2013 theo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 31 tháng 5 năm 2014 với số tiền là 59.044.725.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Minh Phong	Trưởng ban	03 tháng 6 năm 2014	
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên	03 tháng 6 năm 2014	
Ông Nguyễn Văn Bày	Thành viên	29 tháng 5 năm 2013	-
Ông Trần Ngọc Hiến	Thành viên	11 tháng 6 năm 2012	03 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Thiện Khánh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	03 tháng 6 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 8 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0307/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Nam Việt, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Kha - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0327-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.865.500.421.772	1.617.508.929.049
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.981.177.965	57.163.377.789
1. Tiền	111		5.981.177.965	57.163.377.789
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		67.671.062.000	13.144.668.655
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	67.821.062.000	13.144.668.655
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(150.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		451.736.302.279	638.313.961.887
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	430.760.496.927	508.273.234.552
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	96.151.271.641	82.007.993.783
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	14.345.343.262	77.878.824.840
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(89.520.809.551)	(29.846.091.288)
IV. Hàng tồn kho	140		1.144.937.348.603	869.249.283.573
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.146.119.358.625	870.623.170.664
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(1.182.010.022)	(1.373.887.091)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		195.174.530.925	39.637.637.145
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	5.782.508.084	1.268.506.071
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.327.376.982	30.303.715.504
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	162.064.645.859	8.065.415.570

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.337.761.248.271	1.067.450.897.068
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		504.565.724.502	466.839.670.124
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	157.538.070.584	180.555.367.726
<i>Nguyên giá</i>	222		406.020.454.270	398.025.362.062
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(248.482.383.686)	(217.469.994.336)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	66.153.699.095	63.785.903.812
<i>Nguyên giá</i>	225		86.357.777.829	74.011.928.416
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(20.204.078.734)	(10.226.024.604)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	116.150.852.520	108.612.339.954
<i>Nguyên giá</i>	228		117.035.759.775	109.218.717.993
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(884.907.255)	(606.378.039)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	164.723.102.303	113.886.058.632
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		764.055.784.867	544.764.220.259
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	39.499.104.000	39.499.104.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	517.355.000.000	275.373.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	221.023.000.000	239.504.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(13.821.319.133)	(9.611.883.741)
V. Tài sản dài hạn khác	260		69.139.738.902	55.847.006.685
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	62.110.890.369	52.229.380.189
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	7.028.848.533	3.617.626.496
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.203.261.670.043	2.684.959.826.117

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.896.947.316.416	1.382.107.506.711
I. Nợ ngắn hạn	310		1.791.647.007.129	1.348.918.488.302
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	1.350.935.564.358	1.102.877.076.265
2. Phải trả người bán	312	V.22	352.107.800.833	195.625.242.895
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	22.954.686.375	19.268.450.097
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	1.206.600.207	2.088.183.389
5. Phải trả người lao động	315	V.25	24.001.821.259	12.727.332.682
6. Chi phí phải trả	316	V.26	7.275.010.906	5.325.869.706
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	31.923.500.608	9.603.213.822
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.28	1.242.022.583	1.403.119.446
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		105.300.309.287	33.189.018.409
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	105.300.309.287	33.189.018.409
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.306.314.353.627	1.302.852.319.406
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.306.314.353.627	1.302.852.319.406
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	61.766.524.375	58.304.490.154
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.203.261.670.043	2.684.959.826.117

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		93.724.735.117	93.361.375.575
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		223.303,10	734.520,85
Euro (EUR)		2.489,11	2.501,86
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2015



Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu



Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.768.182.015.220	2.504.200.895.207
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.467.043.693	14.952.636.115
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.759.714.971.527	2.489.248.259.092
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.362.779.030.360	2.202.156.599.136
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		396.935.941.167	287.091.659.956
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	29.651.296.255	20.800.047.711
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	80.985.519.431	75.508.677.464
Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.209.096.252	66.576.093.064
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	173.360.969.189	157.794.909.318
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	109.692.818.063	73.658.780.123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.547.930.739	929.340.762
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10.914.058.943	4.799.287.290
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.955.230.461	2.997.451.162
13. Lợi nhuận khác	40		7.958.828.482	1.801.836.128
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.506.759.221	2.731.176.890
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>70.506.759.221</u>	<u>2.731.176.890</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70.506.759.221	2.731.176.890
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V.13	43.322.213.816	27.133.681.532
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8, V.18	63.842.276.586	35.249.177.848
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	1.285.454.704	(240.106.654)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(21.147.396.502)	(13.843.244.336)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	63.209.096.252	66.576.093.064
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		221.018.404.077	117.606.778.344
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		130.360.394.308	(58.544.323.264)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(275.496.187.961)	(97.968.762.443)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		164.205.665.612	20.215.219.268
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		32.409.549.893	(37.520.336.502)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.26, VI.4	(62.993.259.099)	(66.687.311.043)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	9.477.268.677
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(161.973.807.641)	(15.904.821.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		47.530.759.189	(129.326.288.176)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.13, V.14, VII	(111.791.470.703)	(46.416.029.111)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		220.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(70.694.000.000)	(89.216.135.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	16.017.606.655	85.232.054.598
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.16	(241.982.000.000)	(115.760.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.17	18.481.000.000	5.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	19.586.477.591	20.605.887.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(370.162.386.457)	(140.554.722.082)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21	4.537.647.326.595	4.184.389.609.689
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21	(4.212.777.576.045)	(3.860.082.511.654)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.29	(19.633.817.732)	(12.672.509.427)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27, V.30	(33.792.746.426)	(58.824.124.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		271.443.186.392	252.810.464.408
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(51.188.440.876)	(17.070.545.850)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	57.163.377.789	74.233.923.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.241.052	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.981.177.965	57.163.377.789

Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 3.499 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.977 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất có thời hạn khấu hao theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.083 VND/USD
 31/12/2014 : 21.369 VND/USD

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	223.018.115	2.243.454.551
Tiền gửi ngân hàng	5.758.159.850	54.919.923.238
Cộng	<u>5.981.177.965</u>	<u>57.163.377.789</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các cá nhân vay	502.497.000	551.502.741
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	-	4.065.696.880
Cho Công ty TNHH thủy sản Biển Đông vay (*)	67.318.565.000	1.883.470.300
Cho Công ty cổ phần cromit Nam Việt vay (*)	-	6.643.998.734
Cộng	<u>67.821.062.000</u>	<u>13.144.668.655</u>

(*) Thời hạn cho vay từ 6 tháng đến 12 tháng. Lãi suất vay 0% (có thể điều chỉnh).

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng nước ngoài	381.760.712.617	356.233.032.926
Các khách hàng trong nước	3.507.948.313	1.228.970.196
Các khách hàng là các Công ty có liên quan	45.491.835.997	150.811.231.430
Cộng	<u>430.760.496.927</u>	<u>508.273.234.552</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	-	45.623.734
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	84.224.394.800	76.284.511.750
Các nhà cung cấp trong nước khác	11.926.876.841	5.677.858.299
Cộng	<u>96.151.271.641</u>	<u>82.007.993.783</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	111.968.608	1.023.387.030
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.132.691.928	399.101
Lãi cho vay	421.361.079	213.121.212
Tiền, vật tư cho mượn	965.975.573	74.502.247.943
Các khoản phải thu khác	11.713.346.074	2.139.669.554
Cộng	<u>14.345.343.262</u>	<u>77.878.824.840</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	29.846.091.288	67.209.403.627
Trích lập dự phòng bổ sung	59.674.718.263	32.210.272.884
Xóa nợ trong năm	-	(69.573.585.223)
Số cuối năm	<u>89.520.809.551</u>	<u>29.846.091.288</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	107.909.512.703	26.779.090.833
Nguyên liệu, vật liệu	79.778.476.063	76.291.133.939
Công cụ, dụng cụ	2.472.831.100	4.185.648.020
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	565.581.035.975	380.923.735.455
Thành phẩm	365.611.590.753	367.577.941.205
Hàng hóa	194.103.548	758.636.094
Hàng gửi đi bán	24.571.808.483	14.106.985.118
Cộng	<u>1.146.119.358.625</u>	<u>870.623.170.664</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	1.373.887.091
Hoàn nhập dự phòng	(191.877.069)
Số cuối năm	<u>1.182.010.022</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	760.824.167	1.030.240.650
Công cụ dụng cụ	5.000.250.585	84.301.671
Chi phí sửa chữa	-	48.205.833
Chi phí khác	21.433.332	105.757.917
Cộng	<u>5.782.508.084</u>	<u>1.268.506.071</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	8.449.666.499	4.851.924.951
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	153.614.979.360	3.213.490.619
Cộng	<u>162.064.645.859</u>	<u>8.065.415.570</u>

(*) Công ty cầm cố tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 153.533.279.360 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	136.005.921.701	237.122.411.382	17.522.334.687	7.374.694.292	398.025.362.062
Mua sắm mới	959.193.659	4.320.892.942	1.990.461.636	190.009.000	7.460.557.237
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.317.742.084	1.972.647.791	-	-	3.290.389.875
Thanh lý, nhượng bán	(1.255.913.699)	(723.809.524)	-	-	(1.979.723.223)
Xuất trả lại nhà cung cấp	-	(721.980.000)	-	(54.151.681)	(776.131.681)
Số cuối năm	<u>137.026.943.745</u>	<u>241.970.162.591</u>	<u>19.512.796.323</u>	<u>7.510.551.611</u>	<u>406.020.454.270</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.658.326.719	114.066.195.025	11.879.524.802	5.707.881.884	157.311.928.430
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	70.727.946.463	127.425.426.797	13.389.959.914	5.926.661.162	217.469.994.336
Khấu hao trong năm (*)	7.386.230.925	24.128.540.209	1.023.513.968	527.345.368	33.065.630.470
Thanh lý, nhượng bán	(553.299.915)	(723.809.524)	-	-	(1.277.109.439)
Xuất trả lại nhà cung cấp	-	(721.980.000)	-	(54.151.681)	(776.131.681)
Số cuối năm	<u>77.560.877.473</u>	<u>150.108.177.482</u>	<u>14.413.473.882</u>	<u>6.399.854.849</u>	<u>248.482.383.686</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	65.277.975.238	109.696.984.585	4.132.374.773	1.448.033.130	180.555.367.726
Số cuối năm	<u>59.466.066.272</u>	<u>91.861.985.109</u>	<u>5.099.322.441</u>	<u>1.110.696.762</u>	<u>157.538.070.584</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời không sử dụng	-	7.341.323.940	741.757.818	-	8.083.081.758
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(*) Trong đó, khấu hao của các tài sản cố định hữu hình hạch toán vào chi phí khác là 82.005.000 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 56.991.978.890 VND và 222.222.217 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	74.011.928.416	-	74.011.928.416
Tăng trong năm	8.619.897.413	3.725.952.000	12.345.849.413
Số cuối năm	82.631.825.829	3.725.952.000	86.357.777.829
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	10.226.024.604	-	10.226.024.604
Khấu hao trong năm	9.595.202.339	382.851.791	9.978.054.130
Số cuối năm	19.821.226.943	382.851.791	20.204.078.734
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	63.785.903.812	-	63.785.903.812
Số cuối năm	62.810.598.886	3.343.100.209	66.153.699.095
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	108.856.719.893	361.998.100	109.218.717.993
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.817.041.782	-	7.817.041.782
Số cuối năm	116.673.761.675	361.998.100	117.035.759.775
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	128.058.100	128.058.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	337.955.939	268.422.100	606.378.039
Khấu hao trong năm	231.741.216	46.788.000	278.529.216
Số cuối năm	569.697.155	315.210.100	884.907.255
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	108.518.763.954	93.576.000	108.612.339.954
Số cuối năm	116.104.064.520	46.788.000	116.150.852.520
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá 108.765.312.921 VND, thời gian sử dụng lâu dài đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang và Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Bắc An Giang.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản - Đất	101.866.112.837	33.540.195.072	(7.817.041.782)	-	127.589.266.127
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	11.834.234.854	69.057.822.966	(3.290.389.875)	(46.805.062.086)	30.796.605.859
Nhà máy chế biến thức ăn	185.710.941	6.151.519.376	-	-	6.337.230.317
Cộng	113.886.058.632	108.749.537.414	(11.107.431.657)	(46.805.062.086)	164.723.102.303

15. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương ^(a)	36.000.000.000	36.000.000.000
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông ^(b)	3.499.104.000	3.499.104.000
Cộng	39.499.104.000	39.499.104.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương là 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 521022000154 chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 10 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH thủy sản Biển Đông là 4.824.000.000 VND, tương đương 90,91% vốn điều lệ.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300265969 ngày 18 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem là 607.500.000.000 VND, tương đương 40,5% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 241.982.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 51.195.500 cổ phiếu, tương đương 34,13% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem (số đầu năm là 26.997.300 cổ phiếu, tương đương 18%). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem là 95.545.000.000 VND.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		178.200.000.000		188.200.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông (MDB)</i>	6.750.000	135.000.000.000	6.750.000	135.000.000.000
<i>Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không</i>	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
<i>Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam^(*)</i>	-	-	1.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		42.823.000.000		51.304.000.000
<i>Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bàn Việt^(**)</i>	115,19	11.519.000.000	200	20.000.000.000
<i>Công ty cổ phần cromit Cổ Định Thanh Hóa</i>	-	20.304.000.000	-	20.304.000.000
<i>Công ty cổ phần cromit Nam Việt</i>	1.100.000	11.000.000.000	1.100.000	11.000.000.000
Cộng		221.023.000.000		- 239.504.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Trong năm Công ty đã bán hết cổ phiếu của Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam với giá bán là 10.500 VND/ Cổ phiếu.
- (**) Trong năm Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt hoàn trả một phần vốn góp cho các thành viên theo Thông báo số 11-2014-TB-VCAM, do thu nhỏ quy mô.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	9.611.883.741
Trích lập dự phòng bổ sung	4.209.435.392
Số cuối năm	13.821.319.133

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	38.216.431.944	5.484.363.333	(6.899.154.130)	36.801.641.147
Công cụ dụng cụ	7.903.603.066	27.119.908.150	(12.629.277.187)	22.394.234.029
Chi phí sửa chữa	5.093.312.773	2.290.487.076	(4.868.799.692)	2.515.000.157
Chi phí khác	1.016.032.406	603.379.926	(1.219.397.296)	400.015.036
Cộng	52.229.380.189	35.498.138.485	(25.616.628.305)	62.110.890.369

20. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.133.777.053.945	974.254.627.255
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - chi nhánh An Giang ^(a)	273.143.278.723	260.367.391.250
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - chi nhánh An Giang ^(b)	175.033.479.000	175.900.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh An Giang ^(c)	104.600.000.000	163.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn ^(d)	16.770.000.000	54.814.025.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc An Giang ^(e)	331.561.602.080	319.973.211.005
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ^(f)	122.687.751.584	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang ^(g)	24.611.942.558	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ^(h)	85.369.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	197.691.022.384	112.606.578.844
Hội đồng quản trị ⁽ⁱ⁾	2.420.000.000	5.506.578.844
Ban Tổng Giám đốc ^(m)	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Thanh Thiên ⁽ⁿ⁾	7.100.000.000	7.100.000.000
Công ty TNHH Đại Tây Dương ^(o)	88.171.022.384	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.29)	19.467.488.029	16.015.870.166
Cộng	1.350.935.564.358	1.102.877.076.265

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.13), tiền gửi có kỳ hạn.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh số V.11) và Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương.
- (c) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh số V.13) và Công ty TNHH Đại Tây Dương.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị.
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.13).
- (f) Khoản vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị bao gồm 137.415 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 161.163 cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE và các chứng khoán thuộc sở hữu của cá nhân có liên quan bao gồm 1.627.819 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, tiền gửi có kỳ hạn.
- (g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.13), tiền gửi có kỳ hạn.
- (h) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp từ lần 01 đến lần thứ 15 tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.
- (i) Khoản vay Hội đồng quản trị để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay là 0%.
- (m) Khoản vay Ban Tổng Giám đốc để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay là 0%.
- (n) Khoản vay Công ty TNHH Thanh Thiên để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay 0% và có thể điều chỉnh bằng văn bản.
- (o) Khoản vay Công ty TNHH Đại Tây Dương để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay 0%.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỉ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	974.254.627.255	4.341.793.362.714	-	(4.184.149.634.548)	1.878.698.524	1.133.777.053.945
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	112.606.578.844	113.712.385.037	-	(28.627.941.497)	-	197.691.022.384
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	16.015.870.166	2.634.913.726	17.999.046.761	(17.213.917.645)	31.575.021	19.467.488.029
Cộng	1.102.877.076.265	4.458.140.661.477	17.999.046.761	(4.229.991.493.690)	1.910.273.545	1.350.935.564.358

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	166.378.929.721	49.655.164.075
Các nhà cung cấp trong nước	183.784.828.898	145.970.078.820
Các nhà cung cấp là công ty có liên quan	1.944.042.214	-
Cộng	352.107.800.833	195.625.242.895

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	20.363.376.535	14.111.905.778
Các khách hàng trong nước	2.591.309.840	5.156.544.319
Cộng	22.954.686.375	19.268.450.097

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	22.743.363.743	(22.743.363.743)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1.361.355.607	238.883.505	(1.577.178.749)	23.060.363
Thuế thu nhập cá nhân	726.827.782	2.854.007.042	(2.397.294.980)	1.183.539.844
Thuế tài nguyên	-	34.969.600	(34.969.600)	-
Thuế khác	-	195.372.790	(195.372.790)	-
Cộng	2.088.183.389	26.066.596.680	(26.948.179.862)	1.206.600.207

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	5%
- Mỡ cá, thuê nhà	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.506.759.221	2.731.176.890
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.983.332.504	5.450.197.848
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.427.865.802)	(479.330.995)
Thu nhập chịu thuế	85.062.225.923	7.702.043.743
Thu nhập được miễn thuế	(13.739.000.000)	(5.746.950.000)
Lỗi các năm trước được chuyển	(71.323.225.923)	(1.955.093.743)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**25. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 và lương phép còn phải trả nhân viên .

26. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.162.165.015	946.327.862
Chi phí dịch vụ	6.112.845.891	4.379.541.844
Cộng	<u>7.275.010.906</u>	<u>5.325.869.706</u>

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.243.000	-
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	1.485.076.219	499.151.605
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	-	5.285.612.412
Cổ tức phải trả	26.395.263.874	1.143.285.300
Nhận ký quỹ ký cược	296.105.000	613.354.000
Các khoản phải trả khác	3.745.812.515	2.061.810.505
Cộng	<u>31.923.500.608</u>	<u>9.603.213.822</u>

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.403.119.446
Trích lập các quỹ trong năm nay	8.000.000.000
Chi quỹ	<u>(8.161.096.863)</u>
Số cuối năm	<u>1.242.022.583</u>

29. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	82.141.578.844	-
Hội đồng quản trị ^(*)	82.141.578.844	-
Thuê tài chính	23.158.730.443	33.189.018.409
Công ty Cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu	18.735.627.278	33.189.018.409
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	2.262.196.563	-
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2.160.906.602	-
Cộng	<u>105.300.309.287</u>	<u>33.189.018.409</u>

^(*) Khoản vay Hội đồng quản trị để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay là 0%, thời hạn vay 03 năm.**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỉ giá	Số cuối năm
Vay Ông Doãn Tới	-	82.141.578.844	-	-	-	82.141.578.844
Thuê tài chính	33.189.018.409	10.276.834.231	(17.999.046.761)	(2.419.900.087)	111.824.651	23.158.730.443
Cộng	<u>33.189.018.409</u>	<u>92.418.413.075</u>	<u>(17.999.046.761)</u>	<u>(2.419.900.087)</u>	<u>111.824.651</u>	<u>105.300.309.287</u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

Từ 01 năm trở xuống	19.467.488.029
Trên 01 năm đến 05 năm	<u>105.300.309.287</u>
Tổng nợ	<u>124.767.797.316</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 40.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	33.792.746.426
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	33.792.746.426

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	2.768.182.015.220	2.504.200.895.207
- Doanh thu bán hàng hóa	19.592.773.458	17.600.742.989
- Doanh thu bán thành phẩm	2.741.688.098.996	2.454.398.015.161
- Doanh thu bán nguyên liệu	5.950.383.759	26.125.888.210
- Doanh thu khác	950.759.007	6.076.248.847
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(8.467.043.693)	(14.952.636.115)
- Giảm giá hàng bán	(3.693.294.118)	(9.148.149.153)
- Hàng bán bị trả lại	(4.773.749.575)	(5.804.486.962)
Doanh thu thuần	2.759.714.971.527	2.489.248.259.092
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	19.592.773.458	17.600.742.989
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.733.221.055.303	2.439.445.379.046
- Doanh thu thuần bán nguyên liệu	5.950.383.759	26.125.888.210
- Doanh thu thuần khác	950.759.007	6.076.248.847

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	18.240.758.638	16.019.967.757
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	2.341.611.245.583	2.159.110.543.040
Giá vốn của nguyên liệu đã cung cấp	3.118.903.208	23.648.717.900
Giá vốn khác	-	6.284.295.384
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(191.877.069)	(2.906.924.945)
Cộng	<u>2.362.779.030.360</u>	<u>2.202.156.599.136</u>

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.813.195.736.933	1.543.143.674.912
Chi nhân công trực tiếp	118.062.789.792	86.255.318.612
Chi phí sản xuất chung	603.746.830.549	590.377.647.969
Tổng chi phí sản xuất	<u>2.535.005.357.274</u>	<u>2.219.776.641.493</u>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(184.848.364.155)	60.189.877.928
Tổng giá thành sản xuất	<u>2.350.156.993.119</u>	<u>2.279.966.519.421</u>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm và hàng gửi bán	(8.498.472.913)	(120.805.271.288)
Xuất khác	(47.274.623)	(50.705.093)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	<u>2.341.611.245.583</u>	<u>2.159.110.543.040</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.096.317.877	423.481.229
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	106.734.915	66.111.953
Lãi tiền cho vay	4.091.692.408	7.666.313.107
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.739.000.000	5.746.950.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	240.106.654
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.617.551.055	6.650.584.768
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	6.500.000
Cộng	<u>29.651.296.255</u>	<u>20.800.047.711</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	63.209.096.252	66.576.093.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.285.454.704	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.131.533.083	2.986.754.491
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	4.359.435.392	5.945.829.909
Cộng	<u>80.985.519.431</u>	<u>75.508.677.464</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	357.035.523	178.029.986
Chi phí nhân công	3.360.824.489	2.242.881.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.266.667
Chi phí hoa hồng	22.261.362.039	17.136.902.491
Chi phí vận chuyển	85.524.329.240	81.709.011.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.253.305.249	53.836.909.689
Chi phí khác	1.604.112.649	2.689.908.022
Cộng	<u>173.360.969.189</u>	<u>157.794.909.318</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.691.925.462	2.653.588.261
Chi phí nhân công	31.747.635.627	21.378.818.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	812.698.417	1.203.521.947
Thuế, phí và lệ phí	5.327.652.050	3.153.293.080
Chi phí dự phòng	59.674.718.263	32.208.270.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.668.074.329	6.467.880.568
Chi phí khác	5.770.113.915	6.593.406.592
Cộng	<u>109.692.818.063</u>	<u>73.658.780.123</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	923.000.001	-
Thu thanh lý công cụ dụng cụ, vật liệu	391.190.903	249.272.727
Thu cho thuê	1.421.555.007	1.475.350.473
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	4.596.000.990	9.587.236
Thu nhập từ hàng khuyến mãi, chiết khấu	981.788.617	-
Thu nhập khác	2.600.523.425	3.065.076.854
Cộng	<u>10.914.058.943</u>	<u>4.799.287.290</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	702.613.784	-
Giá vốn của các công cụ, vật liệu thanh lý	483.733.835	-
Chi phí khấu hao của tài sản tạm thời ngưng hoạt động	82.005.000	1.540.228.768
Phạt do vi phạm hợp đồng	383.775.304	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	626.691.649	152.319.946
Chi phí khác	676.410.889	1.304.902.448
Cộng	<u>2.955.230.461</u>	<u>2.997.451.162</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.077.300.867.976	1.711.460.060.406
Chi phí nhân công	187.933.819.460	134.502.563.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.240.208.816	25.593.452.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.993.896.901	531.356.143.889
Chi phí khác	74.590.351.373	48.318.110.541
Cộng	<u>2.818.059.144.526</u>	<u>2.451.230.330.934</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cuối năm, công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	3.886.376.759	7.219.952.811
Ứng trước mua tài sản	50.472.600	50.472.600
Mua tài sản cố định bằng cách cân trừ công nợ phải thu	7.800.000.000	86.938.283.128
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	703.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Công ty đi vay	83.767.000.000	118.633.050.000
Công ty mua cá nguyên liệu	-	340.600.500
Chi phí gia công	-	521.050.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	214.131.163	-
Cộng nợ phải thu	214.131.163	-
Hội đồng quản trị	102.420.000.000	106.225.006.268
Cộng nợ phải trả	102.420.000.000	106.225.006.268

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 867.889.930 VND (năm trước là 738.825.080 VND).

Ngoài ra các thành viên hội đồng quản trị còn dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	Công ty con
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương		
Chia cổ tức	10.000.000.000	-
Bán thành phẩm, bao bì	236.182.883.005	115.153.507.600
Bán nguyên vật liệu	15.270.941	706.800
Chi hộ	184.279.954	168.843.123
Phải thu tiền hàng do khách hàng chuyển nhầm	1.017.984.000	-
Chi phí gia công	286.848.924.193	290.623.806.885
Mua vật tư, nguyên liệu	249.349.331	575.088.965
Mua thành phẩm đông lạnh	5.313.299.924	-
Mua tài sản cố định	182.704.394	-
Chi phí xây dựng cơ bản	200.000.000	-
Mua khác	49.411.714	-
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông		
Bán thành phẩm	-	239.071.536.752
Cho vay	67.976.000.000	21.878.135.300
Chi hộ	-	5.832.016
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán thành phẩm, bao bì, vật tư	3.110.400.000	4.854.544
Lãi cho vay	75.044.736	68.015.045
Cho vay	1.868.000.000	9.583.000.000
Vay	112.721.963.881	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư	7.462.300	-
Chi phí gia công	65.071.031	227.529.732
Mua sản phẩm	-	971.913.908
Chi phí thuê đất	-	36.203.370.000
Mua tài sản cố định	-	86.938.283.128
Công ty TNHH Thanh Thiên		
Đi vay	-	7.100.000.000
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Cho vay	850.000.000	57.755.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương		
Cho mượn tiền	-	74.483.700.602
Phải thu khác	-	11.831.850
Phải thu tiền hàng do khách hàng chuyển nhầm	951.051.552	-
Ứng trước tiền gia công	-	3.221.695.515
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông		
Phải thu bán hàng	45.491.835.997	150.679.253.069
Cho vay	67.318.565.000	1.883.470.300
Phải thu khác	6.715.491	6.715.491

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Cho vay	-	4.065.696.880
Phải thu khác	8.208.530	-
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải thu bán hàng	-	131.978.361
Cho vay	-	6.643.998.734
Cộng nợ phải thu	<u>113.776.376.570</u>	<u>241.128.340.802</u>
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Phải trả tiền gia công	1.930.998.114	-
Phải trả khác	4.070.095	3.684.655
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền mua vật tư	16.194.788	-
Phải trả tiền vay	88.171.022.384	-
Công ty TNHH Thanh Thiên		
Phải trả tiền vay	7.100.000.000	7.100.000.000
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải trả khác	-	1.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>97.222.285.381</u>	<u>7.104.684.655</u>

Ngoài ra, Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	2.221.359.504.095	1.784.242.622.051
Trong nước	538.355.467.432	705.005.637.041
Cộng	<u>2.759.714.971.527</u>	<u>2.489.248.259.092</u>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và nhân viên vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.981.177.965	-	-	-	5.981.177.965
Phải thu khách hàng	324.665.880.422	-	-	106.094.616.505	430.760.496.927
Các khoản cho vay	67.821.062.000	-	-	-	67.821.062.000
Các khoản phải thu khác	173.571.190.671	-	-	1.224.311.876	174.795.502.547
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	189.719.000.000	-	-	31.304.000.000	221.023.000.000
Cộng	761.758.311.058	-	-	138.622.928.381	900.381.239.439
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.163.377.789	-	-	-	57.163.377.789
Phải thu khách hàng	477.073.104.503	-	-	31.200.130.049	508.273.234.552
Các khoản cho vay	13.144.668.655	-	-	-	13.144.668.655
Các khoản phải thu khác	79.873.937.913	-	-	939.126.393	80.813.064.306
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	208.200.000.000	-	-	31.304.000.000	239.504.000.000
Cộng	835.455.088.860	-	-	63.443.256.442	898.898.345.302

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	1.350.935.564.358	105.300.309.287	-	1.456.235.873.645
Phải trả người bán	352.107.800.833	-	-	352.107.800.833
Các khoản phải trả khác	37.712.192.295	-	-	37.712.192.295
Cộng	1.740.755.557.486	105.300.309.287	-	1.846.055.866.773
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.103.823.404.127	33.189.018.409	-	1.137.012.422.536
Phải trả người bán	195.625.242.895	-	-	195.625.242.895
Các khoản phải trả khác	13.483.604.061	-	-	13.483.604.061
Cộng	1.312.932.251.083	33.189.018.409	-	1.346.121.269.492

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	223.303,10	2.489,11	-	734.520,85	2.501,86	-
Phải thu khách hàng	17.832.301,75	-	987.261,20	15.559.412,23	-	533.459,59
Các khoản cho vay	-	-	-	9.100,00	-	-
Các khoản phải thu khác	206.272,94	-	-	5.000,00	-	-
Phải trả người bán	(7.785.995,11)	-	-	(2.355.549,02)	-	-
Vay và nợ	(31.661.169,17)	-	-	(15.563.876,60)	-	-
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(21.185.286,49)	2.489,11	987.261,20	(1.611.392,54)	2.501,86	533.459,59

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tình hình tỉ giá ngoại tệ không có biến động lớn trong năm qua.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(499.835.748.423)	(31.661.169,17)	(695.326.305.472)	(15.563.876,60)
(Nợ phải trả) thuần	(499.835.748.423)	(31.661.169,17)	(695.326.305.472)	(15.563.876,60)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 9.996.714.968 VND (năm trước giảm/tăng 13.906.526.109 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 6.675.124.296 VND (năm trước giảm/tăng 3.281.332.104 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty cầm cố khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phần vốn góp từ lần 01 đến lần thứ 15 tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình, Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.10). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 665.488.279.360 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 0 VND).

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.981.177.965	-	57.163.377.789	-	5.981.177.965	57.163.377.789
Phải thu khách hàng	430.760.496.927	(87.172.230.689)	508.273.234.552	(27.917.968.191)	343.588.266.238	480.355.266.361
Các khoản cho vay	67.821.062.000	-	13.144.668.655	-	67.821.062.000	13.144.668.655
Các khoản phải thu khác	261.491.389.131	(856.076.393)	80.813.064.306	(595.588.475)	260.635.312.738	80.217.475.831
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	221.023.000.000	(13.971.319.133)	239.504.000.000	(9.611.883.741)	207.051.680.867	229.892.116.259
Cộng	987.077.126.023	(101.999.626.215)	898.898.345.302	(38.125.440.407)	885.077.499.808	860.772.904.895

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	1.456.235.873.645	1.136.066.094.674	1.374.094.294.801	1.136.066.094.674
Phải trả người bán	352.107.800.833	195.625.242.895	352.107.800.833	195.625.242.895
Các khoản phải trả khác	37.712.192.295	14.429.931.923	37.712.192.295	14.429.931.923
Cộng	1.846.055.866.773	1.346.121.269.492	1.763.914.287.929	1.346.121.269.492

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

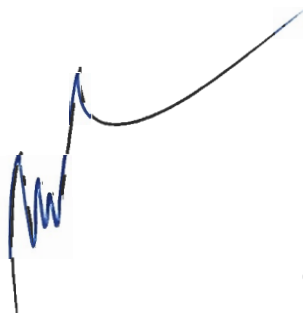
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)




Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu



Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

987
C TY
M HUU
VA TU
C
HOC

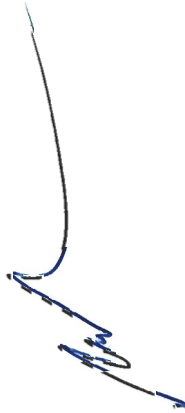
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

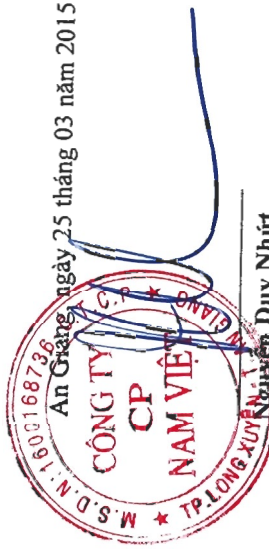
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	114.618.038.264	1.359.165.867.516	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.731.176.890	2.731.176.890	
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)	
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	58.304.490.154	1.302.852.319.406	
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	58.304.490.154	1.302.852.319.406	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	70.506.759.221	70.506.759.221	
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	
Số dư cuối năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	61.766.524.375	1.306.314.353.627	



Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu



Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Nhật
Phó Tổng Giám đốc

